

Đề bài

Bình giảng đoạn thơ
sau trong bài thơ

Tây Tiến

của Quang Dũng.

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến tranh đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

Bài làm

Thơ hay thường tạo nên nhiều rung cảm thẩm mỹ phong phú cho người tiếp nhận, thưởng thức, thậm chí còn gây nên nhiều tranh luận xung quanh những câu chữ, hình ảnh... *Tây Tiến* của Quang Dũng là một trong những bài thơ như thế. Hơn nữa thể ki trôi qua, *Tây Tiến* không chỉ đứng vững mà còn có sức sống kì diệu. Trong tâm hồn thi nhân, *Tây Tiến* là một thời để thương, để nhớ – nhớ những kỉ niệm của người chiến binh trong những ngày tháng sống và chiến đấu cùng binh đoàn – nhớ cảnh rừng núi Tây Bắc vừa hiểm trở vừa hùng vĩ vừa không kém phần thơ mộng – nhớ những tháng ngày hành quân gian khổ – nhớ những kỉ niệm đẹp, những thời khắc nghỉ lại bản làng đậm ấm, thấm thiết tình quân dân... Nếu như ở hai đoạn đầu của bài thơ, người đọc được tiếp cận với hình ảnh người lính một cách gián tiếp thì đoạn thơ thứ ba trực tiếp khắc họa chân dung người lính Tây Tiến:

*“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến tranh đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành”.*

Lúc bấy giờ, ngoài Quang Dũng còn có những gương mặt quen thuộc như bác sĩ Phạm Ngọc Khuê, đại đội trưởng – nhạc sĩ Như Trang, nhà thơ Trần Lê Văn... Họ đều là những chàng trai Hà Thành còn rất trẻ. Binh đoàn Tây Tiến phần đông là thanh niên trí thức Hà Nội (các trường: Sư phạm, Bưởi, Thăng Long, Văn Lang...). Họ mang vào chiến trường không chỉ tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” mà còn cả những nét hào hoa, thanh lịch của người Tràng An. Cuộc sống chiến đấu gian khổ thiếu thốn không ngăn được lính Tây Tiến vui vẻ, sôi nổi, yêu đời và mộng mơ. Tổ chất người Tràng An thấm tận máu, tận hồn, là một chàng trai đa tài (làm thơ, vẽ tranh, viết nhạc...), lại đã từng là đại đội trưởng một đại đội thuộc binh đoàn Tây Tiến, Quang Dũng đã rất thành công khi khắc họa chân dung người lính Tây Tiến, đem đến cho người đọc những rung cảm thẩm mỹ về những chiến sĩ hào hùng mà rất đời hào hoa. Hình tượng người lính trong thơ Quang Dũng thấp thoáng dáng dấp của những “chinh phu”, “Kinh Kha”... những người anh hùng theo đuổi lí tưởng cao đẹp mà ta từng bắt gặp trong thơ Đặng Trần Côn, Nguyễn Công Trứ...

Thời ấy, thơ viết về anh bộ đội thường là viết về những người nông dân mặc áo lính với vẻ đẹp bình dị, mộc mạc:

Đôi bộ quần áo nâu

Đã âm thầm thương mến

(*Hồng Nguyên – Nhớ*)

Rồi *Đồng chí* của Chính Hữu, *Cá nước* của Tố Hữu... Người lính trong *Tây Tiến* của Quang Dũng vừa có những đặc điểm riêng lại vừa được khắc họa theo một bút pháp riêng. Bằng bút pháp lãng mạn và tinh thần bi tráng triển khai trên nền cảm xúc kí ức (nhớ), Quang Dũng đã dựng lên tượng đài bằng thơ về người lính Tây Tiến.

Đó là bức chân dung lẫm liệt, oai hùng:

“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm”

Hai câu thơ với những cách hiểu khác nhau đã gây nên nhiều tranh cãi, thậm chí có những ý kiến trái ngược nhau. Một số ý kiến cho rằng hình ảnh “đoàn binh không mọc tóc”, “quân xanh màu lá” là tột đỉnh của sự độc đáo. Ngược lại, một số cho rằng hình ảnh đoàn quân không tóc và “dữ oai hùm” là không chân thực, thậm chí còn làm cho hình ảnh anh bộ đội chống Pháp trở nên “quái đản”. Cảm nhận thơ như vậy là vừa không hiểu hiện thực cuộc sống chiến đấu của người lính thời chống Pháp, vừa không hiểu đặc trưng của bút pháp lãng mạn được sử dụng ở đây.

Ai đã từng sống đời lính thời chống Pháp hẳn còn nhớ bên cạnh các danh hiệu “anh vệ quốc quân”, “anh bộ đội cụ Hồ”, những người lính còn gọi nhau bằng cái tên rất ngộ, rất lính: “vệ trọc”. Những anh “vệ trọc” nổi tiếng một thời từng làm kinh hoàng kẻ thù xâm lược. Câu thơ gợi nhắc kỉ niệm khó phai mờ của một thời đã qua. Không nên sa vào giải thích ý nghĩa thực của những hình ảnh: “không mọc tóc”, “xanh màu lá”. Chỉ biết rằng cái hay của câu thơ chính là nhấn mạnh sự đối lập, đối lập cái vẻ bên ngoài có phần ốm yếu, bệnh tật vì những trận sốt rét rét rừng, vì biết bao gian khổ, thiếu thốn với sức mạnh của tinh thần chiến đấu ngoan cường ở người lính. Đó là sức mạnh của lí tưởng cao đẹp “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Đó là sức mạnh của cả tập thể thống nhất, sức mạnh của “đoàn binh”. Quang Dũng viết nên hai câu thơ thật tài tình. Mặc dù “không mọc tóc”, “xanh màu lá” nhưng ấn tượng tạo nên lại là vẻ đẹp hào hùng của người lính Tây Tiến. Vẻ đẹp ấy toát lên từ hai chữ “đoàn binh” (mà không phải “đoàn quân”). “Đoàn binh” nhấn mạnh tính chất của những chiến binh với tinh thần chinh chiến mang đầy hào khí, dũng khí. Hơn nữa, hai tiếng “Tây Tiến” được đặt ở đầu câu thơ theo phép đảo ngữ (không phải là “đoàn binh Tây Tiến” mà là “Tây Tiến đoàn binh”) càng tạo nên âm hưởng hào hùng và càng nhấn mạnh tính chất oai phong lẫm liệt của “đoàn binh”. Chưa đủ, lối so sánh mang tính ẩn dụ: “dữ oai hùm” gợi liên tưởng tới câu thơ của Phạm Ngũ Lão năm xưa miêu tả “hào khí Đông A” của quân đội nhà Trần (*Ba quân như hổ nuốt trôi trâu*). Với tất cả những điều đó thì cho dù có miêu tả cái vẻ ngoài ốm đau thì

hình tượng người lính không vì thế mà suy giảm, ngược lại, thủ pháp đối lập đã đem đến hiệu quả thẩm mỹ mới. Vẻ đẹp của câu thơ chính là ở tinh thần bi tráng lẫm liệt của đoàn binh Tây Tiến, một vẻ đẹp có sự cộng hưởng của âm vang truyền thống và tinh thần thời đại, giữa những người chiến binh năm xưa với những người lính cụ Hồ hôm nay.

Hai câu thơ tiếp theo đã khắc họa một cách sinh động đời sống tâm hồn của những chiến sĩ Tây Tiến:

*“Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”*

“Hai câu thơ như nhốt cả hai thế giới” (Vũ Quần Phương), “thấy nổi lên lời độc tấu của chàng trai Hà Nội” (Đặng Anh Đào) vừa rất hào hùng lại rất hào hoa. Hình ảnh “mắt trừng” thể hiện ý chí quyết tâm ngàn ngạt của ngọn lửa chiến đấu bảo vệ biên cương. Hình ảnh ấy cũng biểu hiện hoài bão, khát vọng lập công và cháy bỏng căm thù của người lính Tây Tiến. Và ngay trong cuộc sống chiến đấu gian khổ dữ dằn đó, những người lính vẫn để tâm hồn cho những hình ảnh thật dịu hiền, thân thương: “Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”. Chiến tranh thật tàn khốc nhưng chiến tranh không thể cướp được chất hào hoa của những chàng trai Hà Thành. Không gì có thể ngăn được những phút giây mơ mộng trong tâm hồn người lính. Có một thời, người ta đã gán cho *Tây Tiến* những “mộng rớt”, “buồn rớt” chính là vì những câu thơ như thế này. Thực ra câu thơ đã diễn tả rất chân thật vẻ đẹp tâm hồn của người lính Tây Tiến. Nguyễn Đình Thi cũng đã diễn đạt rất thành công vẻ đẹp này trong bài thơ *Đất nước*:

*“Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu”.*

Khác với nỗi nhớ của người lính trong thơ Nguyễn Đình Thi và các nhà thơ khác, Quang Dũng thể hiện tinh cảm của người lính qua giấc mơ. Giấc mơ là chiều sâu khôn cùng của đời sống tâm linh người lính. Gửi nỗi nhớ vào giấc mơ khiến cho nỗi nhớ cũng lãng mạn như chính tâm hồn họ vậy. Giấc mơ đã nâng đỡ tâm hồn con người. Thật sang trọng và hào hoa!

Nói đến chiến tranh, nói đến đời lính không thể không nói đến cái chết. Quang Dũng cũng không né tránh và nhà thơ đã nói theo cách riêng của mình.

*“Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến tranh đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành”.*

Chất “tráng sĩ ca” được bộc lộ một cách hào hùng và cũng đầy bi tráng. Nhà thơ mượn một ý thơ cổ (*Chinh phụ ngâm*) nhưng tình ý thì rất mới. Ba chữ “mồ viễn xứ” gợi cảm giác buồn thâm lặng – sự hi sinh thâm lặng của

những chiến sĩ vô danh. Ý nghĩa câu thơ mở ra thật lớn: “rải rác” đây đó nơi “biên cương”, những nắm mồ “viễn xứ” không một vòng hoa, không một nén hương, thật lạnh lẽo, thê lương. Bức tranh chiến trận sẽ trở nên âm đạm nếu nhìn bi quan như vậy. Nhưng hồn thơ Quang Dũng mỗi khi chạm vào cái bi thương lại được nâng đỡ bởi đôi cánh của lí tưởng. Câu thơ sau như một lực nâng vô hình đã đưa câu thơ trước lên cao. “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”. Cái bi thảm bỗng trở nên bi tráng, bi tráng đến mức hào hùng bởi Quang Dũng đã nói được một điều cốt lõi trong nhân cách người lính: biết gian khổ vẫn ra đi, biết hi sinh vẫn chấp nhận. Với tinh thần dấn thân, tự nguyện, quăng đời thanh xuân tươi đẹp nhất họ đã hiến dâng cho một lí tưởng cao đẹp nhất. Họ ngã xuống thanh thản không chút vương bận, không mây may hồi tiếc, cái chết được xem “nhẹ tựa lông hồng”.

Viết về chiến tranh, nhiều nhà thơ đã né tránh cái chết. Quang Dũng cảm nhận cái chết như là một hiện thực tất yếu của chiến tranh. Cái chết của những người lính qua con mắt thơ Quang Dũng rất đỗi hùng tráng mà không hề giả dối. Cái bi tráng của câu thơ đã khẳng định được phương châm sống của cả một thế hệ cha anh trong những năm tháng chống Pháp gian khổ: “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Có hiểu được ý chí sắt đá của một dân tộc mới thấy hết được cái hay trong câu thơ Quang Dũng.

Hai câu sau vẫn tiếp tục nói đến cái chết trong âm hưởng sử thi hào hùng ấy:

“Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành”.

Sự thật bi thảm là: người lính hi sinh trên đường hành quân đến một manh chiếu liệm cũng thiếu. Con mắt thơ Quang Dũng đã bao bọc đồng đội mình trong những tấm áo bào sang trọng. “Áo bào” là sự kết hợp hai từ: “áo vải” và “chiến bào” khiến cho “áo bào” vừa bình dị vừa sang trọng. Đây là cách nói mà theo Quang Dũng là để “an ủi linh hồn những người lính”. Xuất phát điểm là tình yêu đồng đội. Chính tình yêu thương đã khiến hồn thơ hào hoa Quang Dũng tìm được hình ảnh đẹp để “sang trọng hóa” cái chết của người lính. Người lính ngã xuống với chiến bào đỏ thắm trong vàng hào quang lồng lộng của các chiến binh xưa: “áo bào thay chiếu anh về đất”. Câu thơ đầy sức mạnh ngợi ca. Không thể tìm được từ nào hay hơn để thay thế cho từ “về đất” trong câu thơ này. “Về đất” không những diễn tả được sự hi sinh của người chiến sĩ mà còn thể hiện được sự trân trọng, yêu thương của những người đồng đội ở lại. “Về đất” cũng là hòa vào linh hồn đất nước để bắt tử cùng hồn thiêng sông núi và trường tồn cùng đất nước. Dòng sông Mã đã tấu lên “khúc độc hành” dữ dội hùng tráng để tiễn đưa hương hồn người chiến sĩ với bao tiếc thương, cảm phục. Những mắt mát, đau thương như dồn nén, tích tụ trong tiếng gầm vang rung chuyển cả núi rừng của dòng sông Mã. Các anh đã hi sinh cho mảnh đất này nở đầy thơ, đầy nhạc và cùng với thiên nhiên, linh hồn các anh vẫn hát mãi khúc quân hành.

Đặc sắc của đoạn thơ không chỉ ở thủ pháp đối lập mà còn bộc lộ trong việc dùng từ, đặc biệt là dùng các động từ. Nhà thơ Vũ Quần Phương đã rất đúng khi đưa ra nhận xét: “Nội lực trong cảm hứng thơ Quang Dũng thường dội xuống ở các động từ”. Động từ “gầm” trong câu thơ khiến âm hưởng cứ âm vang mãi như dội mãi vào núi rừng miền Tây và ngân lên trong tâm hồn độc giả. Cộng hưởng với các động từ là các từ Hán – Việt (*biên cương, viễn xứ, chiến trường, áo bào, sông Mã, khúc độc hành*). Nhà thơ đã đưa người đọc vào một không gian cổ kính, trang trọng. Tất cả những thủ pháp nghệ thuật đó đã bộc lộ được sự hài hòa giữa cái bi và cái hùng tạo nên chất bi tráng trong bức tượng đài cao cả về người lính Tây Tiến.

Đây là đoạn thơ mang tính cao trào trong toàn bộ khúc độc hành *Tây Tiến*. Chất bi tráng đã tạo nên một tượng đài độc đáo về người lính Tây Tiến. Đoạn thơ khép lại nhưng cùng với khúc độc hành của dòng sông Mã, âm hưởng của *Tây Tiến* vẫn vang cả núi rừng và vọng qua năm tháng.